TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/4/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Long
Bà Phạm Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024, quyết định hoãn phiên toà số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Xuân T, sinh năm 1968; CCCD số 075 068 001 440 cấp ngày 05-8-2022.

Địa chỉ: Đ, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hà Mai A, sinh năm 1975; CCCD số 075 175 014 114.

Địa chỉ: Đ, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T, bà A vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Mai Xuân T trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Mai A tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 20/12/1993. Đây là lần đầu đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất hòa. Nguyên nhân bất đồng về quan điểm sống và lối sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn, đoàn tụ được. Do mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên cách đây 05 năm ông bà quyết định sống ly thân hiện cả hai đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa, đến năm 2022 thì bà Mai A đã tự ý bỏ nhà đi đâu đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Mai A.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung là Mai Hoàng V, sinh ngày 16/01/1988, Mai Xuân T1, sinh ngày 10/5/2002 và Mai Quỳnh P, sinh ngày 09/3/2009. Hiện nay cháu P đang sống chung với ông. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu bà Mai A cấp dưỡng. Riêng các cháu Mai Hoàng V, Mai Xuân T1 đã trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Mai A đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Mai A vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024, quyết định hoãn phiên toà số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024, nhưng bà Mai A vắng mặt không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông T. Về con chung: Giao cháu Mai Quỳnh P, sinh ngày 09/3/2009 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, bà Mai A không cấp dưỡng. Riêng cháu Mai Hoàng V, sinh ngày 16/01/1988, Mai Xuân T1, sinh ngày 10/5/2002 đã trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết. Ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn ông Mai Xuân T khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn bà Nguyễn Hà Mai A có nơi cư trú tại: Đ, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] ***Về việc xét xử vắng mặt đương sự*:**

Ngày 21/8/2023, nguyên đơn ông T gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Mai Hoàng V là con ruột của bà Mai A cho biết hiện bà Mai A đang sinh sống tại Australia, gia đình vẫn liên hệ bình thường với bà Mai A nhưng anh V không cung cấp được địa chỉ của bà Mai A tại Australia, Tòa án đã Thông báo (tống đạt hợp lệ) lần thứ hai cho gia đình bà Mai A biết việc Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của ông T để trình bày ý kiến nhưng bà Mai A vẫn không có ý kiến. Do vậy, căn cứ vào hướng dẫn của Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 về việc hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024, quyết định hoãn phiên toà số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024, thông báo cho bị đơn biết phải có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng bà Mai A vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xử vắng mặt ông T và bà Mai A .

[2] **Về nội dung vụ án:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông T và bà Mai A tự nguyện kết hôn có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 01/12/1996. Căn cứ các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, quan hệ hôn nhân của ông T và bà Mai A là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo trình bày của ông T, trong quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất hòa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và lối sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn, đoàn tụ được. Do bất hòa thường xuyên nên cách đây 05 năm vợ chồng quyết định sống ly thân, năm 2022 bà Mai A đã bỏ nhà đi từ đó đến nay ông T và bà Mai A không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Mai A đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Mai A nhưng vẫn vắng mặt, cho thấy bà Mai A không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Mặt khác, theo lời trình bày của anh Mai Hoàng V là con ruột của ông T và bà Mai A thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, có cãi vã, to tiếng do tính cách không hợp nhau, do mâu thuẫn kéo dài nên năm 2022 bà Mai A đã xuất cảnh đi nước ngoài nên ông T và bà Mai A đã không còn chung sống với nhau cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà Mai A đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc việc ông T xin ly hôn với bà Mai A là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

[2.2] Về con chung: Theo ông T trình bày vợ chồng chung sống có 03 con chung là Mai Hoàng V, sinh ngày 16/01/1988, Mai Xuân T1, sinh ngày

10/5/2002 và Mai Quỳnh P, sinh ngày 09/3/2009. Hiện nay cháu P đang sống chung với ông. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu bà Mai A cấp dưỡng. Riêng các cháu Mai Hoàng V, Mai Xuân T1 đã trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét nguyện vọng của ông T, cũng như để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường của con trẻ cần giao cháu Mai Quỳnh P, sinh ngày 09/3/2009 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời bà Mai A không cấp dưỡng nuôi con chung do ông T chưa yêu cầu. Riêng cháu Mai Hoàng V, sinh ngày 16/01/1988, Mai Xuân T1, sinh ngày 10/5/2002 đã trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà Mai A vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung*: Theo ông T trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bà Mai A vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4] *Về nợ chung*: Theo ông T trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bà Mai A vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Ông T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 ; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 118 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho Ông Mai Xuân T và bà Nguyễn Hà Mai A được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Quỳnh P, sinh ngày 09/3/2009 cho ông T tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông T chưa yêu cầu bà Mai A cấp dưỡng nuôi cháu P. Sau khi ly hôn, bà Mai A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Ông Mai Xuân T phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0002462 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Ông T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã Lộ 25, h Thống Nhất,
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Đặng Quang Phúc